

Số: 363/QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021
cho sinh viên trình độ đào tạo Đại học hệ chính quy

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 892A/QĐ-HVHK ngày 05/09/2016 của Giám đốc học viện Hàng không Việt Nam ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề chính quy tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 17 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng xét, cấp học bổng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020 – 2021 đối với sinh viên các lớp Đại học và Cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hướng nghiệp và Tư vấn việc làm về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021 cho sinh viên trình độ đào tạo Đại học hệ chính quy.

QUYẾT ĐỊNH:

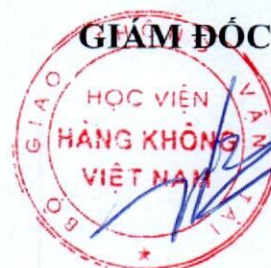
Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020 – 2021 cho 181 sinh viên trình độ đào tạo đại học hệ chính quy với tổng số tiền là **1.344.669.000đ** (Một tỉ ba trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

(Danh sách cụ thể kèm theo quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Giám đốc Trung tâm Hướng nghiệp và Tư vấn việc làm, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 2;
- Lưu: VT, TTHN



TS. Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐTTT - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2017**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHĐT02	1753020056	NGUYỄN TIÊN	ANH	Nam	04/09/1997	3.82	17	8.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	7,055,000	140%	9,877,000	
2	17ĐHĐT02	1753020053	ĐỖ DUY	NHẤT	Nam	03/05/1999	3.71	19	8.55	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	7,885,000	140%	11,039,000	
3	17ĐHĐT02	1753020076	NGUYỄN THỊ	LINH	Nữ	08/08/1999	3.68	19	8.58	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	7,570,000	140%	10,598,000	
4	17ĐHĐT01	1753020027	LÊ THÀNH	NHÂN	Nam	02/04/1998	3.58	19	8.28	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	6,640,000	120%	7,968,000	
5	17ĐHĐT02	1753020064	PHẠM NGỌC	SANG	Nam	06/03/1999	3.56	16	8.25	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	6,640,000	120%	7,968,000	
Tổng cộng:																47,450,000	
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐTTT - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2018**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHĐT02	1853020048	LÊ HUYNH	LAM	Nam	15/09/2000	3.78	18	8.99	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	7,775,000	140%	10,885,000	
2	18ĐHĐT02	1853020054	TRỊNH CÔNG	ĐẠT	Nam	23/08/2000	3.5	18	8.33	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	7,775,000	120%	9,330,000	
3	18ĐHĐT02	1853020036	TRỊNH THIÊN	NHÂN	Nam	22/01/2000	3.47	19	8.37	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	7,045,000	120%	8,454,000	
4	18ĐHĐT01	1853020023	VÕ MINH	THƯ	Nữ	22/10/2000	3.23	24	7.82	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	7,045,000	120%	8,454,000	
Tổng cộng:																37,123,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp. HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐTTT - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2019**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chí	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHĐT01	1953020040	PHẠM VĂN	THẮNG	Nam	09/12/2001	3.27	15	8.06	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	5,700,000	120%	6,840,000	
2	19ĐHĐT02	1953020047	TRẦN NGÔ PHƯƠNG	HUY	Nam	15/03/2001	3.19	16	7.88	Khá	80	Tốt	Khá	6,630,000	100%	6,630,000	
3	19ĐHĐT01	1953020090	ĐẬU THỊ	MỸ	Nữ	06/02/2001	3	16	7.44	Khá	87	Tốt	Khá	6,630,000	100%	6,630,000	
Tổng cộng:																20,100,000	
Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021
GIÁM ĐỐC
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐTVT - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2020**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chí	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	20ĐHĐT01	2053020044	LÊ HỒNG	HẠNH	Nữ	04/08/2002	3.41	17	8.28	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	6,520,000	120%	7,824,000	
2	20ĐHĐT01	2053020041	Trần Quốc	Anh	Nam	01/08/2002	3.32	17	7.96	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	6,520,000	120%	7,824,000	
3	20ĐHĐT02	2053020067	TRẦN TẤN	ĐẠT	Nam	09/07/2002	3.18	17	7.62	Khá	89	Tốt	Khá	6,415,000	100%	6,415,000	
4	20ĐHĐT02	2053020080	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	Nam	19/06/2002	3.12	17	7.46	Khá	95	Xuất sắc	Khá	6,415,000	100%	6,415,000	
5	20ĐHĐT01	2053020001	PHAN HỮU	LỮU	Nam	19/05/2000	3	17	7.54	Khá	91	Xuất sắc	Khá	6,520,000	100%	6,520,000	
6	20ĐHĐT02	2053020077	LƯU HUỖNH VƯƠNG	TỶ	Nam	15/02/2002	3	17	7.51	Khá	75	Khá	Khá	6,415,000	100%	6,415,000	
	Tổng cộng:															41,413,000	
số tiền bằng chữ: Bốn mươi một triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2017**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHKT01	1751200016	VĂN HỮU	PHƯỚC	Nam	11/05/1999	4	15	9.32	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	6,225,000	140%	8,715,000	
2	17ĐHKT01	1751200003	HUỖNH NGUYỄN THỂ	HUY	Nam	13/07/1999	3.63	19	8.44	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	7,155,000	140%	10,017,000	
3	17ĐHKT01	1751200036	NGUYỄN HỮU	DỪNG	Nam	03/02/1999	3.89	18	8.74	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	7,155,000	120%	8,586,000	
4	17ĐHKT01	1751200055	NGUYỄN MINH	HẢI	Nam	23/04/1999	3.8	15	8.75	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	6,225,000	120%	7,470,000	
	Tổng cộng:															34,788,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2018**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHKT01	1851200048	NGUYỄN ĐÌNH	THẮNG	Nam	22/07/1998	3.69	16	8.54	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	6,740,000	140%	9,436,000	
2	18ĐHKT01	1851200032	PHẠM THÀNH	PHÚ	Nam	03/10/2000	3.71	19	8.69	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	7,670,000	120%	9,204,000	
3	18ĐHKT01	1851200028	BÙI ĐOÀN QUANG	DUY	Nam	17/09/2000	3.58	19	8.34	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	7,670,000	120%	9,204,000	
4	18ĐHKT01	1851200049	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	Nữ	21/01/2000	3.56	18	8.25	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	6,740,000	120%	8,088,000	
Tổng cộng:																35,932,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi năm triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2019**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chí	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHKT01	1951200027	LÊ DUY	KHUƠNG	Nam	10/05/2001	3.97	17	9.11	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	5,385,000	140%	7,539,000	
2	19ĐHKT01	1951200041	NGUYỄN LÊ MINH	TÂM	Nam	23/01/2001	3.79	17	8.84	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	6,315,000	140%	8,841,000	
3	19ĐHKT01	1951200003	TRƯƠNG BẢO	TÍN	Nam	01/09/2001	3.67	15	8.67	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	5,385,000	140%	7,539,000	
Tổng cộng:																23,919,000	
Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm mười chín ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2020**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	20ĐHKT01	2051200025	ĐỖ QUANG	THẮNG	Nam	09/01/2002	3.35	17	7.97	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	6,730,000	120%	8,076,000	
2	20ĐHKT01	2051200037	LÊ HUỖNH	ĐỨC	Nam	08/06/2002	3.32	17	8.05	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	6,730,000	120%	8,076,000	
3	20ĐHKT01	2051200029	NGUYỄN BÁCH	GIA	Nam	02/05/2002	3.29	17	7.58	Giỏi	75	Khá	Khá	6,730,000	100%	6,730,000	
4	20ĐHKT01	2051200060	NINH THÀNH	DANH	Nam	20/11/2001	3.15	17	7.84	Khá	74	Khá	Khá	6,730,000	100%	6,730,000	
5	20ĐHKT01	2051200043	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	SƠN	Nam	01/02/2002	3.15	17	7.68	Khá	74	Khá	Khá	6,730,000	100%	6,730,000	
6	20ĐHKT01	2051200001	DƯƠNG THỊ MỸ	PHÚ	Nữ	15/01/2002	3.09	17	7.76	Khá	78	Khá	Khá	6,730,000	100%	6,730,000	
	Tổng cộng:															43,072,000	
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp. HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2017**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chí	Tỷ lệ % hướng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHKL01	1756060008	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	10/11/1999	3.93	20	9.09	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	140%	9,800,000	
2	17ĐHKL01	1756060001	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	Nữ	10/08/1999	3.9	20	9.29	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	140%	9,800,000	
3	17ĐHKL01	1756060053	TRẦN NGỌC BẢO	NGUYỄN	Nữ	24/11/1999	3.9	20	8.62	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	140%	9,800,000	
4	17ĐHKL01	1756060011	PHAN THỊ MỸ	TRINH	Nữ	09/02/1999	3.88	20	8.95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	140%	9,800,000	
Tổng cộng:																39,200,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2018**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chí	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18DHKL01	1856060034	CHÂU KIM	DUNG	Nữ	05/03/2000	4	20	9.49	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	6,650,000	140%	9,310,000	
2	18DHKL01	1856060015	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	Nữ	06/10/2000	3.93	20	9.13	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	6,650,000	140%	9,310,000	
3	18DHKL01	1856060028	LÊ NGUYỄN TRUNG	TRỰC	Nam	19/06/2000	3.93	20	8.87	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	6,650,000	140%	9,310,000	
4	18DHKL01	1856060046	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	Nam	12/01/2000	3.93	20	9.25	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	6,650,000	140%	9,310,000	
Tổng cộng:																37,240,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2019**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHKL01	1956060023	TRƯƠNG NHỰT	HÀ	Nữ	18/11/2001	3.97	20	9.24	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	7,260,000	140%	10,164,000	
2	19ĐHKL01	1956060009	NGUYỄN BÌNH	LUẬN	Nam	13/12/2001	3.95	20	9.21	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	7,260,000	140%	10,164,000	
3	19ĐHKL01	1956060014	BÙI PHƯƠNG	GIANG	Nữ	11/01/2002	3.93	20	9.09	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	6,330,000	140%	8,862,000	
	Tổng cộng:															29,190,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2020**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tin chí	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	20ĐHKL01	2056060036	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	Nam	12/02/2002	3.85	17	8.82	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	6,090,000	140%	8,526,000	
2	20ĐHKL01	2056060012	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	Nữ	06/11/2002	3.68	17	8.5	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	6,090,000	120%	7,308,000	
3	20ĐHKL01	2056060021	ĐINH THỊ HỒNG	HOA	Nữ	27/05/2002	3.62	17	8.44	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	6,090,000	120%	7,308,000	
4	20ĐHKL01	2056060033	HỒ NHẬT	BÌNH	Nam	02/11/2002	3.62	17	8.44	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	6,090,000	120%	7,308,000	
Tổng cộng:																30,450,000	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2017**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHQTDL	1751010370	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	Nữ	13/06/1999	3.9	24	8.63	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
2	17ĐHQTDL	1751010468	PHAN THỊ KIM	CÚC	Nữ	14/02/1999	3.9	24	8.78	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
3	17ĐHQTC	1751010413	HUỲNH LÊ NGỌC KHÁNH	ĐOAN	Nữ	06/07/1999	3.85	24	8.9	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
4	17ĐHQTDL	1751010014	LÝ NHẬT	DIỆU	Nam	28/03/1999	3.85	24	8.61	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	6,200,000	140%	8,680,000	
5	17ĐHQTC	1751010273	DIỆP BẢO	NGÂN	Nữ	07/02/1999	3.81	24	8.76	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
6	17ĐHQTVT1	1751010124	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	Nữ	29/08/1999	3.79	24	8.56	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	7,440,000	140%	10,416,000	
7	17ĐHQTVT5	1751010410	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	Nữ	26/06/1999	3.77	24	8.66	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	7,440,000	140%	10,416,000	
8	17ĐHQTVT1	1751010033	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	04/03/1999	3.75	24	8.61	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	7,440,000	140%	10,416,000	
9	17ĐHQTVT1	1751010003	VŨ THỊ THẢO	TRANG	Nữ	18/03/1999	3.69	24	8.37	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	7,440,000	140%	10,416,000	
10	17ĐHQTC	1751010150	NGÔ TIỀN	QUANG	Nam	07/10/1999	3.67	24	8.48	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
11	17ĐHQTVT1	1751010044	DƯƠNG BẢO KHÁNH	VY	Nữ	12/06/1999	3.63	24	8.34	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	7,440,000	140%	10,416,000	
12	17ĐHQTDL	1751010367	PHẠM THỊ THANH	TÂM	Nữ	25/01/1999	3.6	24	8.33	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	7,130,000	140%	9,982,000	
13	17ĐHQTC	1551010389	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	Nữ	03/04/1997	3.8	25	8.79	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
14	17ĐHQTTH	1751010009	LƯƠNG HOÀNG	NHƯ	Nữ	03/01/1999	3.8	23	8.65	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	6,510,000	120%	7,812,000	
15	17ĐHQTTH	1751010041	DƯƠNG THẢO	VY	Nữ	16/07/1999	3.78	23	8.6	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	6,510,000	120%	7,812,000	
16	17ĐHQTVT4	1751010314	VŨ THỊ BĂNG	SAO	Nữ	18/01/1999	3.77	24	8.51	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	
17	17ĐHQTC	1751010429	NGUYỄN THỊ HẢI	DUYỀN	Nữ	02/11/1999	3.75	24	8.62	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
18	17ĐHQTVT2	1751010197	LÊ HOÀNG KHÁNH	NHI	Nữ	31/03/1999	3.75	24	8.49	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	
19	17ĐHQTC	1751010217	VÕ THỊ MỸ	TRÂM	Nữ	18/04/1999	3.65	24	8.32	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
20	17ĐHQTVT1	1751010034	LÂM HÀ	PHƯƠNG	Nữ	29/10/1998	3.65	24	8.41	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	
21	17ĐHQTC	1751010237	VŨ THỊ	HẰNG	Nữ	05/09/1999	3.63	24	8.39	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
22	17ĐHQTVT5	1751010089	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	Nữ	06/11/1999	3.6	24	8.37	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	

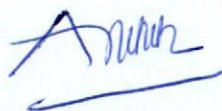
23	18ĐHQTC1	1851010126	PHAN HỮU	ĐẠT	Nam	01/03/2000	3.53	15	8.03	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,650,000	120%	5,580,000	
24	18ĐHQTDL	1851010271	NGUYỄN VƯƠNG NGỌC	PHƯỢT NG	Nữ	16/03/2000	3.52	26	8.32	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	6,820,000	120%	8,184,000	
25	18ĐHQTVT3	1851010158	LÊ THỊ THANH	DIỆU	Nữ	11/08/2000	3.5	23	8.23	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	6,820,000	120%	8,184,000	
26	18ĐHQTVT2	1851010070	BÙI THANH	VY	Nữ	08/03/2000	3.5	17	8.18	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
Tổng cộng:																181,102,000	
Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL



Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT



Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 21 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2018**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHQTVT2	1851010119	HỒ THỊ THU	QUẾ	Nữ	16/07/2000	3.76	17	8.48	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	5,890,000	140%	8,246,000	
2	18ĐHQTVT3	1851010249	BÙI QUANG	MINH	Nam	05/10/2000	3.66	16	8.56	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	4,960,000	140%	6,944,000	
3	18ĐHQTC1	1851010112	LÊ HA	VI	Nữ	08/10/2000	3.63	16	8.43	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	5,580,000	140%	7,812,000	
4	18ĐHQTVT2	1851010108	PHAN THỊ NGỌC	GIÀU	Nữ	02/02/2000	3.74	17	8.66	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
5	18ĐHQTVT4	1851010337	LÊ THỊ QUỲNH	NHI	Nữ	28/03/2000	3.73	22	8.55	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
6	18ĐHQTC1	1851010150	VŨ ĐĂNG	HIỀN	Nam	01/09/2000	3.72	16	8.83	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
7	18ĐHQTVT1	1851010052	GIANG THỊ KIỀU	ANH	Nữ	09/11/2000	3.71	17	8.41	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
8	18ĐHQTC2	1851010250	HOÀNG THÁI	BẢO	Nam	26/10/2000	3.68	19	8.48	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
9	18ĐHQTVT2	1851010149	PHẠM THỊ	LAN	Nữ	05/04/2000	3.63	19	8.23	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	4,960,000	120%	5,952,000	
10	18ĐHQTC2	1851010265	LÊ THỊ THU	HUỖN G	Nữ	19/10/2000	3.63	16	8.31	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
11	18ĐHQTC1	1851010133	NGUYỄN THỊ	THUỖN NG	Nữ	19/01/2000	3.59	16	8.55	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
12	18ĐHQTVT2	1851010129	VŨ THỊ HỒNG	HOA	Nữ	26/02/2000	3.59	17	8.41	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
13	18ĐHQTVT1	1851010012	NGUYỄN ĐỖ UYỄN	NHI	Nữ	02/02/2000	3.59	17	8.27	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
14	18ĐHQTVT4	1851010330	NGUYỄN LÊ NGỌC	THAN H	Nữ	26/06/2000	3.59	17	8.33	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
15	18ĐHQTVT3	1851010175	LÊ THỊ MỸ	VI	Nữ	09/10/2000	3.59	17	8.38	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
16	18ĐHQTVT3	1851010162	NGUYỄN NGỌC THẢO	MY	Nữ	06/11/2000	3.58	19	8.29	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	4,960,000	120%	5,952,000	
17	18ĐHQTVT3	1851010186	LÊ HOÀNG	PHON G	Nam	11/11/2000	3.58	19	8.36	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	6,820,000	120%	8,184,000	
18	18ĐHQTVT4	1851010263	NGUYỄN ĐỖ MINH	NHI	Nữ	29/11/2000	3.56	16	8.14	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	4,960,000	120%	5,952,000	
19	18ĐHQTVT3	1851010224	VŨ BÍCH	HẢO	Nữ	13/03/2000	3.56	17	8.11	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	5,890,000	120%	7,068,000	
20	18ĐHQTC1	1851010177	VÕ ĐỨC QUANG	HUY	Nam	02/10/2000	3.53	20	8.15	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	6,510,000	120%	7,812,000	
21	18ĐHQTVT3	1851010164	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	Nữ	25/01/2000	3.53	16	8.28	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,960,000	120%	5,952,000	
22	18ĐHQTVT1	1851010094	GIANG TRẦN GIA	HẢO	Nữ	10/12/2000	3.53	16	8.24	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	4,960,000	120%	5,952,000	

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tin chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
23	17ĐHQTTTH	1751010320	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	17/04/1999	3.59	23	8.37	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	6,510,000	120%	7,812,000	
24	17ĐHQTDL	1751010436	NGÔ KIM UYÊN	Nữ	03/11/1999	3.58	24	8.16	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
25	17ĐHQTDL	1751010398	NGUYỄN LÊ NGUYỆT THỦY	Nữ	05/12/1999	3.58	24	8.27	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
26	17ĐHQTC	1751010213	PHẠM THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	01/05/1999	3.58	24	8.18	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
27	17ĐHQTDL	1751010387	TRẦN HỮU THIÊN	Nam	06/07/1999	3.57	27	8.22	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
28	17ĐHQTC	1751010198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	03/11/1999	3.57	21	8.46	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
29	17ĐHQTVT1	1751010023	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	Nữ	05/01/1999	3.56	24	8.28	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	
30	17ĐHQTVT4	1751010396	NGUYỄN THANH GIÀU	Nam	26/10/1998	3.54	24	8.24	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	7,440,000	120%	8,928,000	
31	17ĐHQTDL	1751010333	NGUYỄN HOANG MINH ANH	Nữ	15/11/1999	3.54	24	8.35	Giỏi	98	Xuất sắc	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
32	17ĐHQTC	1751010313	PHAN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	08/01/1999	3.54	24	8.28	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	7,130,000	120%	8,556,000	
33	17ĐHQTTTH	1751010166	HOÀNG THỊ TRÂM	Nữ	28/07/1999	3.54	23	8.27	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	6,510,000	120%	7,812,000	
Tổng cộng:															298,468,000	
Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng.																

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2019**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHQT08	1951010404	TRẦN THỊ	HOÀI	Nữ	01/06/2001	3.65	17	8.34	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	5,270,000	140%	7,378,000	
2	19ĐHQT05	1951010210	TRẦN THU	HÀNG	Nữ	10/06/2001	3.58	18	8.17	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
3	19ĐHQT01	1951010031	LÊ THÀNH	HIẾN	Nam	05/07/2001	3.56	18	8.36	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
4	19ĐHQT07	1951010318	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	Nữ	20/05/2001	3.5	18	8.11	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
5	19ĐHQT04	1951010172	ĐẶNG THỊ THẢO	VY	Nữ	06/07/2001	3.5	18	8.28	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
6	19ĐHQT07	1951010319	ĐỖ BÌNH	AN	Nữ	28/09/2001	3.43	21	8.19	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
7	19ĐHQT08	1951010405	CHÂU KIM	NGỌC	Nữ	09/04/2001	3.43	15	8.11	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	5,270,000	120%	6,324,000	
8	19ĐHQT04	1951010200	NGUYỄN THỊ	HÒA	Nữ	08/04/2001	3.38	17	7.99	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	5,270,000	120%	6,324,000	
9	19ĐHQT03	1951010144	TRẦN THỊ THÙY	LINH	Nữ	23/09/2001	3.35	17	7.96	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	5,270,000	120%	6,324,000	
10	19ĐHQT03	1951010137	TẠ TRẦN GIA	KHÁNH	Nữ	12/10/2001	3.33	18	7.75	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
11	19ĐHQT04	1951010191	LƯƠNG HÀ TỎ	QUYÊN	Nữ	23/08/2001	3.33	18	7.82	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
12	19ĐHQT05	1951010227	NGUYỄN THỊ THU	HIẾN	Nữ	27/12/2001	3.31	18	7.86	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
13	19ĐHQT01	1951010005	NGUYỄN THANH	NHI	Nữ	18/04/2001	3.31	18	7.67	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
14	19ĐHQT05	1951010222	NGUYỄN NHẬT	PHƯƠNG	Nữ	25/06/2001	3.28	18	7.89	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
15	19ĐHQT06	1951010296	NGUYỄN THỊ CẨM	ĐOAN	Nữ	14/09/2001	3.25	18	7.72	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
16	19ĐHQT04	1951010201	ĐINH THỊ HỒNG	HẠNH	Nữ	21/10/2001	3.24	17	7.76	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	5,270,000	120%	6,324,000	
17	19ĐHQT01	1951010033	TRƯƠNG MINH	TUẦN	Nam	08/09/2001	3.22	18	7.92	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
18	19ĐHQT03	1951010132	TRẦN THANH	TỊNH	Nam	17/09/2001	3.22	18	7.77	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
19	19ĐHQT03	1951010135	HUỶNH TRẦN BẢO	NGÂN	Nữ	01/09/2001	3.22	18	7.77	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	6,200,000	120%	7,440,000	
20	19ĐHQT07	1951010312	ĐOÀN HUỶNH ANH	THƯ	Nữ	07/07/2001	3.21	17	7.72	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	5,270,000	120%	6,324,000	
21	19ĐHQT08	1951010365	TRẦN THỊ THANH	TÂM	Nữ	03/08/2001	3.69	18	8.53	Xuất sắc	78	Khá	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	

22	19ĐHQT02	1951010056	BÙI HIẾU	LỘC	Nam	25/05/2001	3.25	18	7.68	Giỏi	75	Khá	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
23	19ĐHQT06	1951010302	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	Nữ	25/04/2001	3.19	18	7.67	Khá	94	Xuất sắc	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
24	19ĐHQT08	1951010390	TRỊNH NGỌC	HÂN	Nữ	04/09/2001	3.18	17	7.64	Khá	81	Tốt	Khá	5,270,000	100%	5,270,000	
25	19ĐHQT04	1951010183	NGUYỄN THỊ HẢI	DƯƠNG	Nữ	22/02/1998	3.18	17	7.63	Khá	76	Khá	Khá	5,270,000	100%	5,270,000	
26	19ĐHQT05	1951010255	VŨ THỊ THU	TRANG	Nữ	05/10/2001	3.17	18	7.53	Khá	90	Xuất sắc	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
27	19ĐHQT03	1951010109	VŨ NHƯ	QUỲNH	Nữ	15/02/2001	3.17	21	7.61	Khá	85	Tốt	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
28	19ĐHQT05	1951010230	HUỶNH THỊ	HA	Nữ	01/03/2001	3.15	17	7.75	Khá	90	Xuất sắc	Khá	5,270,000	100%	5,270,000	
29	19ĐHQT03	1951010130	CHÉ THIÊN	NGỌC	Nữ	23/09/2001	3.15	17	7.66	Khá	82	Tốt	Khá	5,270,000	100%	5,270,000	
30	19ĐHQT08	1951010357	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	KIỆT	Nam	06/07/2001	3.14	18	7.75	Khá	83	Tốt	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
31	19ĐHQT05	1951010206	VŨ LINH	CHI	Nữ	24/03/2001	3.14	18	7.59	Khá	81	Tốt	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
32	19ĐHQT07	1951010342	LÊ HOÀNG NGỌC	CHÂU	Nữ	16/07/2001	3.14	18	7.73	Khá	78	Khá	Khá	6,200,000	100%	6,200,000	
Tổng cộng:																213,838,000	
Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL



Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT



Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KKHT
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - HK 1(2020-2021) - KHÓA 2020**

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	20ĐHQT02	2051010072	LÊ THỊ NGỌC	PHUƠNG	Nữ	28/08/2000	3.72	16	8.49	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
2	20ĐHQT06	2051010303	LÊ ANH	QUỐC	Nam	10/04/2002	3.56	16	8.26	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
3	20ĐHQT04	2051010237	VÕ HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	12/02/2001	3.5	16	8.34	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,030,000	120%	4,836,000	
4	20ĐHQT04	2051010214	PHẠM BẢO	QUỐC	Nam	01/05/2002	3.44	16	8.14	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
5	20ĐHQT05	2051010250	NGUYỄN THÁI PHI	TÀI	Nam	01/04/2002	3.25	16	7.84	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
6	20ĐHQT08	2051010467	TRẦN TÂN	TY	Nam	26/03/2001	3.25	16	7.76	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
7	20ĐHQT04	2051010239	ĐỖ THỊ MỸ	TIỀN	Nữ	01/03/2002	3.25	16	8.09	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
8	20ĐHQT07	2051010411	TRẦN ĐÌNH VÂN	AN	Nữ	02/09/2002	3.25	16	7.71	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
9	20ĐHQT04	2051010213	NGUYỄN BÌNH	MINH	Nam	03/08/2002	3.22	16	7.71	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	5,580,000	120%	6,696,000	
10	20ĐHQT07	2051010397	NGUYỄN ĐOÀN ANH	THƯ	Nữ	02/09/2002	3.56	16	8.25	Giỏi	73	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
11	20ĐHQT02	2051010069	TRẦN THỊ BẢO	YÊN	Nữ	04/09/2002	3.41	16	7.99	Giỏi	76	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
12	20ĐHQT05	2051010268	HỒ THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	22/02/2002	3.34	16	7.95	Giỏi	73	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
13	20ĐHQT01	2051010014	TRƯƠNG GIA THẢO	NGUYỄN	Nữ	08/03/2002	3.25	16	7.61	Giỏi	77	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
14	20ĐHQT06	2051010313	LỘC HÀ	MY	Nữ	07/10/2002	3.22	16	7.88	Giỏi	71	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
15	20ĐHQT05	2051010255	CAO THU	PHUƠNG	Nữ	24/06/2002	3.22	16	7.89	Giỏi	71	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
16	20ĐHQT04	2051010199	LÊ VĂN	VIỆT	Nam	03/12/2001	3.19	16	7.71	Khá	82	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
17	20ĐHQT03	2051010138	ĐẶNG QUANG	HUY	Nam	16/02/2002	3.19	16	7.74	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
18	20ĐHQT02	2051010108	NGUYỄN THU	HƯƠNG	Nữ	07/05/2002	3.19	16	7.7	Khá	70	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
19	20ĐHQT06	2051010316	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	Nữ	21/02/2002	3.16	16	7.61	Khá	86	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
20	20ĐHQT06	2051010328	NGUYỄN HOÀNG THANH	LAM	Nữ	23/10/2002	3.16	16	7.79	Khá	85	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
21	20ĐHQT03	2051010176	NGUYỄN THÚY	LIỄU	Nữ	22/11/2002	3.16	16	7.61	Khá	70	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
22	20ĐHQT04	2051010198	NGUYỄN PHAN TÚ	LINH	Nữ	20/02/2002	3.16	16	7.71	Khá	70	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	

23	20ĐHQT04	2051010203	NGUYỄN BẢO	TRẦN	NỮ	06/03/2002	3.13	16	7.68	Khá	83	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
24	20ĐHQT04	2051010241	NGUYỄN THỊ LÊ	HIỀN	NỮ	03/01/2002	3.13	16	7.68	Khá	82	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
25	20ĐHQT03	2051010130	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	NỮ	20/09/2002	3.13	16	7.69	Khá	73	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
26	20ĐHQT05	2051010287	LÊ THỊ HOÀI	TRÂM	NỮ	30/06/2002	3.13	16	7.7	Khá	70	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
27	20ĐHQT04	2051010204	LÊ NGUYỄN MAI	THI	NỮ	10/01/2002	3.09	16	7.51	Khá	89	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
28	20ĐHQT02	2051010067	PHẠM NGUYỄN KIẾT	TUÔNG	Nam	09/07/2002	3.09	16	7.64	Khá	80	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
29	20ĐHQT05	2051010275	NGUYỄN THỊ HỒNG	LÊ	NỮ	22/10/2002	3.09	16	7.49	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
30	20ĐHQT06	2051010306	NGUYỄN THỊ QUẾ	TRẦN	NỮ	23/02/2002	3.06	16	7.61	Khá	86	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
31	20ĐHQT06	2051010321	LÊ THỊ MỸ	LINH	NỮ	01/09/2002	3.06	16	7.46	Khá	82	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
32	20ĐHQT05	2051010252	LÝ GIA	LINH	NỮ	27/01/2002	3.06	16	7.58	Khá	74	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
33	20ĐHQT06	2051010309	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	NỮ	14/07/2002	3.06	16	7.53	Khá	74	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
34	20ĐHQT01	2051010035	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGUYỄN	NỮ	21/03/2002	3.03	16	7.43	Khá	85	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
35	20ĐHQT05	2051010273	VÕ NHUẬN	KIM	NỮ	17/05/2001	3	16	7.61	Khá	82	Tốt	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
36	20ĐHQT06	2051010310	ĐỒNG HUỖNH	GIAO	NỮ	20/04/2002	3	16	7.3	Khá	73	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
37	20ĐHQT03	2051010166	NGUYỄN NGỌC	HUY	Nam	28/11/2002	3	16	7.31	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
38	20ĐHQT06	2051010331	LÊ THỊ THU	THẢO	NỮ	27/02/2002	3	16	7.43	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
39	20ĐHQT05	2051010243	TRẦN VÂN	ANH	NỮ	26/01/2002	2.97	16	7.31	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
40	20ĐHQT06	2051010343	LÊ	VÂN	NỮ	11/11/2002	2.97	16	7.38	Khá	72	Khá	Khá	5,580,000	100%	5,580,000	
Tổng cộng:																231,384,000	
Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng.																	

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Hải Hằng